

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/06/2011



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thanh	Ủy viên
Ông Vũ Tuấn Hưng	Ủy viên
Ông H.E RAT Sokhorn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phong	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 20, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Phong
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 8 năm 2011

Số. 366 /BCSX 2011- ACA

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 20. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét của Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc về các thông tin được trình bày trên thuyết minh số 25 - "Lợi nhuận khác" và thuyết minh số 26 - "Chi phí khác" của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trần Văn Thức**
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0554/KTV
Thay mặt và đại diện cho**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011**Trần Văn Dũng**
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 283/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		64.203.257.778	59.123.837.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.410.487.211	9.722.809.611
1. Tiền	111		1.410.487.211	9.722.809.611
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	11.850.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	-	11.850.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		49.082.418.337	34.633.511.327
1. Phải thu khách hàng	131		36.118.822.704	29.290.431.584
2. Trả trước cho người bán	132		12.963.595.633	4.439.705.149
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	903.374.594
IV. Hàng tồn kho	140		12.641.798.400	2.646.472.873
1. Hàng tồn kho	141	6	12.641.798.400	2.646.472.873
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.068.553.830	271.044.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.294.831	19.009.831
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.340.784	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.040.918.215	252.034.356
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		201.060.555.254	162.660.034.432
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		62.318.389.927	71.685.375.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.759.310.353	2.265.383.055
- Nguyên giá	222		3.544.798.496	2.861.293.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(785.488.143)	(595.909.986)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	9.488.000.000
- Nguyên giá	228		-	9.488.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	59.559.079.574	59.931.992.092
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		138.052.383.196	90.243.008.602
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	135.908.008.602	90.243.008.602
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	2.144.374.594	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		689.782.131	731.650.683
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	345.454.131	387.322.683
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	344.328.000	344.328.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		265.263.813.032	221.783.872.430

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		100.284.831.938	64.423.097.690
I. Nợ ngắn hạn	310		100.284.831.938	64.206.441.090
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	39.520.424.427	28.572.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.305.034.255	26.223.928.700
3. Người mua trả tiền trước	313		5.047.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	13.326.030.908	8.562.963.158
5. Phải trả công nhân viên	315		197.194.570	219.656.154
7. Phải trả nội bộ	317	17	40.540.848.000	124.800.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	65.236.500	220.029.800
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		283.063.278	283.063.278
II. Nợ dài hạn	330		-	216.656.600
4. Vay và nợ dài hạn	334	19	-	216.656.600
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		164.978.981.094	157.360.774.740
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	20	164.978.981.094	157.360.774.740
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.688.000.000	128.688.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		849.189.834	849.189.834
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		283.063.278	283.063.278
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		35.158.727.982	27.540.521.628
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		265.263.813.032	221.783.872.430



Nguyễn Thanh Phong
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quang Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.446.719.200	57.794.227.150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.267.477.648
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	17.446.719.200	56.526.749.502
4. Giá vốn hàng bán	11	22	5.792.820.626	21.748.721.733
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.653.898.574	34.778.027.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.078.279.042	333.925.469
7. Chi phí tài chính	22	24	1.386.960.423	33.873.396
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.386.960.423	33.873.396
8. Chi phí bán hàng	24		1.725.054.281	575.287.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.973.528.787	2.325.480.095
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.646.634.125	32.177.312.665
11. Thu nhập khác	31	25	12.000.002.058	-
12. Chi phí khác	32	26	9.489.027.710	43.227.011
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.510.974.348	(43.227.011)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.157.608.473	32.134.085.654
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.539.402.119	8.074.599.773
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.618.206.354	24.059.485.881



Nguyễn Thanh Phong
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quang Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		10.157.608.473	32.134.085.654
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		189.578.157	302.797.802
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3.590.279.042)	-
- Chi phí lãi vay	6		1.386.960.423	33.873.396
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		8.143.868.011	32.470.756.852
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(2.448.907.010)	(51.714.528.178)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.995.325.527)	(469.524.867)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.861.735.109	16.956.837.378
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		47.583.552	(227.897.525)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.386.960.423)	(33.873.396)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(271.170.807)	(3.024.144.182)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(803.224.643)	(1.670.586.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.147.598.262	(7.712.960.272)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(310.592.937)	(5.330.221.050)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.850.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(47.809.374.594)	(23.344.029.458)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.078.279.042	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.191.688.489)	(28.674.250.508)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	38.646.990.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		50.621.229.380	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.889.461.553)	(4.583.258.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.731.767.827	34.063.732.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.312.322.400)	(2.323.478.780)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.722.809.611	5.560.071.441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1.410.487.211	3.236.592.661



Nguyễn Thanh Phong
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quang Minh
Kê toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Bảo Thư, là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 4702002159 ngày 18 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 5.760.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2008 tăng vốn Điều lệ lên 9.600.000.000 đồng.

Từ ngày 18 tháng 04 năm 2006 đến ngày 04 tháng 11 năm 2009 là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thư. Từ ngày 05 tháng 11 năm 2009 đến nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico theo giấy Đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp với vốn Điều lệ là 56.880.000.000 đồng.

Công ty chuyển đổi Đăng ký kinh doanh số 3600802882 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận tăng vốn Điều lệ lên 86.668.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 05 năm 2010 tăng vốn Điều lệ lên 128.688.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico đặt tại: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 16 người (tại ngày 31/12/2010 là 19 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nguyên liệu gốm, sứ, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị phụ tùng xe cơ giới, phân bón, hoá chất;
- Mua bán lương thực thực phẩm, hàng nông lâm thủy sản;
- Mua bán bột đá, bột kaolin, bột cát, bột đất sét đã qua chế biến;
- Mua bán máy móc ngành nông, ngư nghiệp;
- Mua bán đất sét, kaolin, kim loại, quặng kim loại;
- Sàng, lọc, rửa cát;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Trồng cây hàng năm, lâu năm;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Khai thác đất;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (đại lý vận tải biển);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị (thiết bị tàu thuyền);
- Đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Nạo vét, khai thông luồng lạch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển);
- Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng dân dụng và khu công nghiệp, gia công cơ khí.
- Kinh doanh, môi giới bất động sản;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm:

i.) Công ty:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico - vốn Điều lệ 128.688.000.0000 đồng;

ii.) Các Công ty con do Công ty giữ Cổ phần chi phối:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư – vốn chủ sở hữu là 142.354.664.602 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 83% vốn chủ sở hữu.

- Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi – vốn chủ sở hữu là 3.666.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 62% vốn chủ sở hữu.

- Công ty Cổ phần Nạo vét và San lấp Thiên Bảo - vốn chủ sở hữu là 1.170.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 77% vốn chủ sở hữu.

- Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Khoáng sản Bình Thuận Joton - vốn chủ sở hữu là 8.447.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 88% vốn chủ sở hữu.

- Công ty TNHH Nạo vét và San lấp Quang Hồng – vốn chủ sở hữu là 11.700.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 62% vốn chủ sở hữu.

Xem thuyết minh số 11 – “Đầu tư vào công ty con”, cung cấp thông tin về số tiền góp vốn của Công ty mẹ vào các công ty con tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICOKhu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn với thời hạn từ trên 6 tháng đến 12 tháng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Việc trích khấu hao tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời hạn không quá 2 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	105.659.286	2.590.666.461
Tiền gửi Ngân hàng	1.304.827.925	7.132.143.150
Cộng	1.410.487.211	9.722.809.611

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	-	11.850.000.000
Cộng	-	11.850.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Hàng hóa	12.641.798.400	2.646.472.873
Cộng	12.641.798.400	2.646.472.873

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	1.032.918.215	244.034.356
Ký quỹ, ký cược	8.000.000	8.000.000
Cộng	1.040.918.215	252.034.356

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc, thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</i>	<i>Tài sản cố định Khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2011	864.374.545	172.851.041	1.461.720.433	317.225.972	45.121.050	2.861.293.041
Tăng trong kỳ	57.336.364	529.909.091	96.260.000	-	-	683.505.455
+ Mua trong kỳ	57.336.364	529.909.091	96.260.000	-	-	683.505.455
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	<u>921.710.909</u>	<u>702.760.132</u>	<u>1.557.980.433</u>	<u>317.225.972</u>	<u>45.121.050</u>	<u>3.544.798.496</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2011	48.237.696	166.061.104	294.117.737	78.485.379	9.008.070	595.909.986
Tăng trong kỳ	1.911.212	24.761.664	120.382.471	39.989.478	2.533.332	189.578.157
+ Khấu hao trong kỳ	1.911.212	24.761.664	120.382.471	39.989.478	2.533.332	189.578.157
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	<u>50.148.908</u>	<u>190.822.768</u>	<u>414.500.208</u>	<u>118.474.857</u>	<u>11.541.402</u>	<u>785.488.143</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2011	<u>816.136.849</u>	<u>6.789.937</u>	<u>1.167.602.696</u>	<u>238.740.593</u>	<u>36.112.980</u>	<u>2.265.383.055</u>
Tại 30/06/2011	<u>871.562.001</u>	<u>511.937.364</u>	<u>1.143.480.225</u>	<u>198.751.115</u>	<u>33.579.648</u>	<u>2.759.310.353</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2011	9.488.000.000	9.488.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	9.488.000.000	9.488.000.000
+ Thanh lý, nhượng bán (*)	9.488.000.000	9.488.000.000
Số dư tại 30/06/2011	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2011	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2011	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2011	9.488.000.000	9.488.000.000
Tại 30/06/2011	-	-

(*): Đây là việc bán 6 lô đất tại Khu dân cư TTMM Bắc Phan Thiết, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Gồm:

+ Lô đất L80, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573689, vào sổ số CT01067 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 29/10/2010. Thừa số 100, tờ bản đồ 53, diện tích 170 m², đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L81, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573541, vào sổ số CT00342 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thừa số 71, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m², đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L82, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573542, vào sổ số CT00343 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thừa số 72, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m², đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L83, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573543, vào sổ số CT00344 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thừa số 73, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m², đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L84, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573544, vào sổ số CT00345 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thừa số 88, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m², đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L85, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573545, vào sổ số CT00341 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thừa số 89, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m², đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án Khu chuyên tài	33.413.907.556	33.393.948.574
Xây dựng cơ bản văn phòng HAMICO	1.096.224.484	1.096.224.484
Xây dựng cơ bản khu Phước Bình	3.844.395.367	3.844.395.367
Mỏ Cát Trắng	5.404.523.400	5.404.523.400
Xây dựng cơ bản dở dang khác (*)	15.800.028.767	16.192.900.267
Cộng	59.559.079.574	59.931.992.092

(*): Trong đó đất của kho Phước Bình thuộc thửa đất số 558, 559, 560, 561, 562, 609, 610, 771, 778, 779, tờ bản đồ số 26 thuộc xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai có giá trị 12.044.296.000 VND. Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011 lô đất này vẫn chưa được chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Vốn chủ sở hữu VND	Vốn góp của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2011	
		Số tiền VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo thư (*)	142.354.664.602	118.096.008.602	83
Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi	3.666.000.000	2.270.000.000	62
Công ty Cổ phần Nạo Vét và San lấp Thiên Bảo	1.170.000.000	900.000.000	77
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Khoáng sản Bình Thuận Joton	8.447.000.000	7.402.000.000	88
Công ty TNHH Nạo vét và san lấp Quang Hồng	11.700.000.000	7.240.000.000	62
Cộng	167.337.664.602	135.908.008.602	

(*): Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, Công ty mẹ đã góp bổ sung vốn bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền là 45.700.000.000 VND.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên (*)	2.144.374.594	-
Cộng	2.144.374.594	-

(*): Vốn chủ sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên là 9.500.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty đã góp vốn chiếm 13% vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng (*)	345.454.131	387.322.683
Cộng	345.454.131	387.322.683

(*): Chi phí này được phân bổ trong thời gian tối đa 3 năm.

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	344.328.000	344.328.000
Cộng	344.328.000	344.328.000

(*): Đây là khoản ký cược cho Hợp đồng thuê mặt bằng số 06.2010/HGP/SGD, ngày 04/06/2010 của Công ty tại TP.Hồ Chí Minh.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Chi nhánh Trường Chinh, TP.Hồ Chí Minh (1)	21.000.000.000	-
Vay cá nhân:	18.520.424.427	28.324.000.000
- Ông Nguyễn Quang Minh	-	5.000.000.000
- Ông Nguyễn Quang Thanh	-	1.000.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Phong	-	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kiều Hạnh	-	824.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mai (2)	18.520.424.427	13.000.000.000
- Ông Nguyễn Văn Dũng	-	8.000.000.000
Các đối tượng khác	-	248.000.000
Cộng	39.520.424.427	28.572.000.000

(1): Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 95424389 ngày 04 tháng 3 năm 2011. Hạn mức tín dụng 29 tỷ VND, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ cụ thể, biến động từ 19%/năm - 20%/năm. Mục đích vay là thanh toán tiền hàng cho Công ty CP Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại quận 7, TP.Hồ Chí Minh và huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là tài sản của Ông Nguyễn Văn Dũng và Bà Nguyễn Thị Mai - là bên thế chấp, đứng ra bảo lãnh cho hợp đồng vay vốn này.

(2): Gồm 2 hợp đồng chủ yếu:

+ Hợp đồng vay vốn số 01/01/HĐVV-Hamico, ngày 09 tháng 01 năm 2011, với tổng hạn mức cho vay là 10 tỷ VND, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 01 năm 2012, lãi suất 0,0%/tháng tính trên tổng số dư nợ thực tế.

+ Hợp đồng vay vốn số 03/02/2011/HĐVV-Hamico, ngày 24 tháng 02 năm 2011, với tổng hạn mức cho vay là 8 tỷ VND, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 01 năm 2012, lãi suất 0,0%/tháng tính trên tổng số dư nợ thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	171.146.226
Thuế xuất, nhập khẩu	2.665.982.664	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.660.048.244	8.391.816.932
Cộng	13.326.030.908	8.562.963.158

17. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Công nghiệp	35.540.848.000	124.800.000
Bảo thư (*)	-	-
Công ty TNHH Nạo vét và San lấp Quang Hồng (*)	5.000.000.000	-
Cộng	40.540.848.000	124.800.000

(*): Trong kỳ các Công ty con đã thực hiện hạch toán chuyển lợi nhuận sau thuế về Công ty mẹ. Tuy nhiên, việc chuyển lợi nhuận này chưa đầy đủ hồ sơ pháp lý về phân phối lợi nhuận sau thuế, chưa có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của các Công ty con. Do vậy, Công ty mẹ tạm thời hạch toán số tiền nhận về và hạch toán tạm tăng công nợ phải trả nội bộ đối với các Công ty con.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Bảo hiểm xã hội	65.236.500	20.029.800
Phải trả khác	-	200.000.000
Cộng	65.236.500	220.029.800

19. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hoà	-	216.656.600
Cộng	-	216.656.600

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước:					
Số dư đầu năm tại 01/01/2010	46.880.000.000	-	-	4.666.228.572	51.546.228.572
Tăng trong năm:	81.808.000.000	849.189.834	283.063.278	24.289.609.446	107.229.862.558
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	24.289.609.446	24.289.609.446
Góp vốn	81.808.000.000	-	-	-	81.808.000.000
Phân phối các quỹ	-	849.189.834	283.063.278	-	1.132.253.112
Giảm trong năm	-	-	-	1.415.316.390	1.415.316.390
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.415.316.390	1.415.316.390
Số dư cuối năm tại 31/12/2010	<u>128.688.000.000</u>	<u>849.189.834</u>	<u>283.063.278</u>	<u>27.540.521.628</u>	<u>157.360.774.740</u>
Kỳ này:					
Số dư đầu kỳ tại 01/01/2011	128.688.000.000	849.189.834	283.063.278	27.540.521.628	157.360.774.740
Tăng trong kỳ:	-	-	-	7.618.206.354	7.618.206.354
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	7.618.206.354	7.618.206.354
Số dư cuối kỳ tại 30/06/2011	<u>128.688.000.000</u>	<u>849.189.834</u>	<u>283.063.278</u>	<u>35.158.727.982</u>	<u>164.978.981.094</u>

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng (*)	17.446.719.200	57.794.227.150
Các khoản giảm trừ		
- Thuế xuất khẩu	-	1.267.477.648
Cộng	<u>17.446.719.200</u>	<u>56.526.749.502</u>

(*): Toàn bộ doanh thu trong 6 tháng đầu năm 2011 là doanh thu bán cát san lấp.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa	5.792.820.626	21.748.721.733
Cộng	<u>5.792.820.626</u>	<u>21.748.721.733</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.078.279.042	333.925.469
Cộng	1.078.279.042	333.925.469

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	1.386.960.423	33.873.396
Cộng	1.386.960.423	33.873.396

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Thu từ bán đất (*)	12.000.000.000	-
Thu nhập khác	2.058	-
Cộng	12.000.002.058	-

(*): Đây là khoản doanh thu bán 6 lô đất tại Khu dân cư TTTM Bắc Phan Thiết, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, như đã được đề cập tại thuyết minh số 9 – “Tài sản cố định vô hình”. Sáu lô đất này được bán cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên, là đơn vị mà Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Bình Thuận Hamico góp 13% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, việc bán lô đất này vẫn chưa được hoàn tất thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua. Công ty chỉ mới hoàn thiện thủ tục bán bằng việc ký kết hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua. Hiện Công ty đang xúc tiến các thủ tục pháp lý còn lại cho việc sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng 6 lô đất này vào quý III năm 2011 cho bên mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***26. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Chi phí bán đất (*)	9.488.000.000	-
Chi phí khác	1.027.710	43.227.011
Cộng	9.489.027.710	43.227.011

(*): Đây là giá trị ghi sổ của 6 lô đất tại Khu dân cư TTTM Bắc Phan Thiết, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, như đã được đề cập tại thuyết minh số 9 – “Tài sản cố định vô hình” và thuyết minh số 25 – “Thu nhập khác”.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	10.157.608.473	32.134.085.654
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	164.313.438
Thu nhập chịu thuế	10.157.608.473	32.298.399.092
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.539.402.119	8.074.599.773

28. CÁC BÊN LIÊN QUANGiao dịch với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Các giao dịch bán	
Cty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Khoáng sản Tây Nguyên	12.000.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2011:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền VND
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i>			
Cty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Khoáng sản Tây Nguyên	Công ty đã góp vốn chiếm 13% vốn chủ sở hữu	Bán đất	12.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 30/06/2011.

30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30/06/2011 cần điều chỉnh hoặc Thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.


32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2010 và số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn tài chính.




Nguyễn Thanh Phong
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 8 năm 2011


Nguyễn Quang Minh
Kế toán trưởng